

Bản án số: 08/2018/HS-PT
Ngày 06 tháng 02 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Hùng
Ông Trương Thanh Dũng

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Quan Tuấn Nghĩa, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 118/2017/TLHS-PT ngày 29 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo Lê Huệ T và Lê Thành D. Do có kháng cáo của các bị cáo và các bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2017/HS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:* **Lê Huệ T**, sinh năm 1962 tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam, con ông Lê Tài H (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết); có vợ tên Nguyễn Mỹ L, sinh năm 1962 và 06 người con; tiền án, tiền sự: Không; khởi tố ngày 22/11/2016 và cho tại ngoại đến nay (có mặt).

- *Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:* **Lê Thành D**, sinh năm 1994 tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam, con ông Lê Huệ T, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Mỹ L, sinh năm 1962; tiền án, tiền sự: Không; khởi tố ngày 22/11/2016 và cho tại ngoại đến nay (có mặt).

- *Bị hại có kháng cáo:* Anh Lê Thanh T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị hại có kháng cáo:* Anh Lê Thanh L, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người bào chữa cho các bị cáo Lê Huệ T và Lê Thành D:* Ông Trần Văn V là Luật sư của văn phòng Luật sư Nguyễn Thị H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Lê Thanh T:* Bà Trịnh Hồng N là Trợ giúp viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người giám định:* Ông Nguyễn Minh Đ và ông Nguu Trung C là Giám định viên của Trung tâm pháp y tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ ngày 20/9/2016 bị cáo Lê Huệ T khi nghe được tiếng máy nổ khoan đất tại bờ ranh đất đang tranh chấp tại ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (do có mâu thuẫn với anh Lê Thanh T trong việc tranh chấp ranh đất) đã cầm dao đi đến nơi đang khoan đất. Khi thấy bị cáo T cầm dao đi thì các con của bị cáo T gồm bị cáo Lê Thành D mang theo cây kéo dài khoảng 15cm, cán bằng nhựa màu đỏ, lưỡi kéo bằng kim loại màu trắng, mũi kéo nhọn; Lê Tài Đ, Lê Thái P mỗi người mang theo một cây gỗ và Lê Đức T cùng đi theo phía sau. Khi thấy bị cáo T đi đến và có cầm theo dao nên anh T và anh L cũng lấy cây có trên chiếc phà cầm trên tay. Lúc này giữa bị cáo T và anh T xảy ra đánh nhau; bị cáo T cầm dao chém anh T, còn anh T dùng cây đánh trả lại trúng vào đầu và tay phải bị cáo T. Bị cáo T tiếp tục dùng dao chém nhiều cái trúng vào đầu và tay anh T gây thương tích. Cùng lúc này, bị cáo D cũng xông đến đánh nhau với anh L; quá trình đánh nhau, bị cáo D dùng kéo đâm nhiều nhát trúng vào tay anh L gây thương tích.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2017/HSST ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

- Tuyên bố bị cáo Lê Huệ T và bị cáo Lê Thành D phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33, 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Lê Huệ T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Lê Thành D 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 22/11/2017.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 609 Bộ luật dân sự; Điều 42 Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo Lê Huệ T tiếp tục bồi thường cho anh Lê Thanh T các khoản chi phí điều trị thương tích, ngày công lao động, tiền xe đi lại, tổn thất tinh thần với số tiền 44.798.444 đồng.

Buộc bị cáo Lê Thành D tiếp tục bồi thường cho anh Lê Thanh L các khoản chi phí điều trị thương tích, ngày công lao động, tiền xe đi lại, tổn thất tinh thần với số tiền 12.794.780 đồng.

Anh Lê Thanh T được nhận số tiền 3.000.000 đồng do bị cáo Lê Huệ T bồi thường tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ theo Biên lai thu số 004026 ngày 10/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Anh Lê Thanh L được nhận số tiền 1.000.000 đồng do bị cáo Lê Thành D bồi thường tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ theo Biên lai thu số 004027 ngày 10/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất trong giai đoạn thi hành án, xử lý vật chứng, án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 28/11/2017, bị hại Lê Thanh T kháng cáo yêu cầu xem xét lại tội danh và hình phạt đối với bị cáo Lê Huệ T, yêu cầu xem xét tăng mức bồi thường thiệt hại đối với bị cáo T. Bị hại Lê Thanh L kháng cáo yêu cầu xem xét lại tội danh và tăng hình phạt đối với bị cáo Lê Thành D, yêu cầu xem xét tăng mức bồi thường thiệt hại của bị cáo Lê Thành D.

Ngày 04/12/2017, bị cáo Lê Huệ T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, yêu cầu xem xét giảm tiền bồi thường thiệt hại, yêu cầu giám định lại tỷ lệ thương tật của Lê Thanh T. Bị cáo Lê Thành D kháng cáo yêu cầu xem xét lại hành vi vi phạm của Phạm Minh Đ gây thương tích cho bị cáo, yêu cầu xem xét lại thương tích của Lê Thanh L, yêu cầu xem xét giảm tiền bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Huệ T, Lê Thành D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các bị hại Lê Thanh T, Lê Thanh L không yêu cầu xem xét lại tội danh của bị cáo T và bị cáo D, chỉ yêu cầu tăng hình phạt và tăng tiền bồi thường.

Người bào chữa cho các bị cáo T và D trình bày: Đề nghị áp dụng Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại do việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Cụ thể là giám định lại thương tích của anh T và anh L, xem xét điều chỉnh trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị cáo T và bị cáo D, xem xét hành vi vi phạm của Phạm Minh Đ gây thương tích cho bị cáo D.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại T: Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo T và chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại thêm số tiền 39.000.000 đồng cho bị hại T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Huệ T, bị cáo Lê Thành D và các bị hại Lê Thanh T, Lê Thanh L; giữ y Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2017/HS-ST ngày 22/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với thương tích của Lê Thanh T: Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 143/TgT ngày 26/10/2016 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Bạc Liêu (BL 235-236) kết luận thương tích của Lê Thanh T dấu hiệu chính qua giám định gồm: Máu tụ dưới màng cứng trán trái lượng ít, tỷ lệ 21%; Một sẹo ở đỉnh đầu trái, một sẹo ở cẳng tay phải, một sẹo ở 1/3 giữa sau cẳng tay trái, tỷ lệ 03%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 23%. Vật gây thương tích do vật sắt.

[2] Xét thấy, vào ngày 20/9/2016 tại ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu giữa bị cáo Lê Huệ T, bị cáo Lê Thành D với các bị hại Lê Thanh T, Lê Thanh L xảy ra xô xát. Qua xem xét các lời khai của bị cáo T trong giai đoạn điều tra (BL 49-56; 63-65; 594-595) và lời khai của anh Lê Thanh T (BL 72-77; 419-422) cùng các lời khai của các nhân chứng như Lê Ngọc N (BL 112-113); Đỗ Tú Ng (BL 114-117); Lê Minh T (BL 118-119); Trương Văn H (BL 120 – 123); Huỳnh Văn Đào U (BL 124- 131); Dương Thị L (BL 132- 133); Phạm Thị T (BL 134- 137); Phạm Minh Đ (BL 138-141) cùng các lời khai của người thân trong gia đình các bị cáo và các bị hại như các con bị cáo T gồm Lê Đức Th (BL 86-87), Lê Tài Đ (BL 91-92), con rể Lê Thái P (BL 95-96); mẹ và vợ của người bị hại như Trần Cẩm B (BL 97- 102), Lê Thị M (BL 103-108), Nguyễn Mỹ L (BL 109-111). Các lời khai đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa, đủ cơ sở chứng minh: khoảng 09 giờ ngày 20/9/2016, khi nghe tiếng máy nổ khoan đất tại bờ ranh đất đang tranh chấp với anh Lê Thanh T, bị cáo T đã cầm dao (loại dao yếm) chiều dài khoảng 40-50cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen, mũi dao bầu, dao có một bên bằng và một bên sắc, cán dao bằng gỗ đi về phía đất tranh chấp. Khi đến nơi, bị cáo T bước xuống nương nước, dùng chân rà từ chân bờ ra nương vuông xem anh T có khoan đất không. Lúc này, giữa bị cáo T và Lê Thanh T đã xảy ra xô xát. Bị cáo T và Lê Thanh T đứng tư thế mặt đối mặt, bị cáo T cầm dao trên tay phải, đưa dao chém qua bên phải, chém qua bên trái, chém liên tiếp nhiều dao hướng từ trên chém xuống trúng vào đầu và vào cơ thể của anh T gây thương tích. Anh T cũng dùng cây đánh trả lại trúng vào đầu và tay phải bị cáo T.

[3] Vào thời điểm xảy ra xô xắc, đủ căn cứ xác định hung khí bị cáo T sử dụng là dao, các đối tượng khác tham gia xô xắc không đủ căn cứ chứng minh có ai khác sử dụng dao. Mặt khác, lời khai của người bị hại Lê Thanh T thống nhất với lời khai của bị cáo T về diễn biến sự việc và các vết thương của T do T gây ra. Các lời khai của bị cáo, người bị hại không chỉ phù hợp với lời khai các nhân chứng mà còn phù hợp các chứng cứ khác đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa như biên bản hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, kết luận giám định pháp y...đủ cơ sở xác định hành vi cố ý của bị cáo T dùng dao là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho Lê Thanh T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999. Cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo T về tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Đối với thương tích của Lê Thanh L: Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Bạc Liêu đã kết luận thương tích của Lê Thanh L dấu hiệu chính qua giám định gồm: Một sẹo ở mặt trong cổ tay trái, một sẹo ở ngón I bàn tay phải, tỷ lệ 02%. Gãy đầu dưới xương trụ trái. Tỷ lệ 08%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 10%. Vật gây thương tích do vật sắt (Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 142/TgT ngày 27/10/2016 – BL 231-232).

[5] Do có một số vấn đề chưa rõ, còn mâu thuẫn trong Bản kết luận giám định đối với thương tích của anh L nên các giám định viên đã được triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm. Quá trình xét hỏi, các giám định viên đã giải thích rõ như sau: việc ghi thời gian tiến hành giám định tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích là 10 giờ 00 phút ngày 18/10/2016 là chưa chính xác vì đúng thời gian đó có tiến hành giám định thương tích đối với anh L nhưng quá trình giám định đã phát hiện có dấu hiệu gãy xương nên các giám định viên đã đề nghị anh L chụp XQuang nhằm xác định tình trạng chính xác của vết thương và sau khi chụp XQuang anh L đã được Bệnh viện đa khoa Cà Mau cấp Giấy chứng nhận thương tích ngày 21/10/2016 đối với vết thương “gãy mới tạo can xương đầu dưới xương trụ trái” (BL 230). Sau khi kết hợp Giấy chứng nhận thương tích số 377/CN ngày 21/9/2016 (BL 229) với Giấy chứng nhận thương tích số 428/CN ngày 21/10/2016 (BL 230) và khám trên thực tế vết thương của anh L, các giám định viên đã có kết luận chính xác về thương tích của anh L thể hiện tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 142/TgT ngày 27/10/2016 nêu trên. Giải thích của các giám định viên là có căn cứ, thực tế việc tiến hành giám định thương tích của anh L cùng được tiến hành 01 ngày với bị hại T và các bị cáo T, D nhưng thời gian ban hành Bản kết luận giám định của L là sau 01 ngày so với những người cùng được giám định (Bản kết luận của anh T, bị cáo T và bị cáo D cùng ngày 26/10/2016, của anh L ban hành ngày 27/10/2016 – BL 231-238).

[6] Lý giải cho việc Giấy chứng nhận thương tích ngày 21/9/2016 xác định tình trạng vào viện của anh L là “vết thương cổ tay trái mặt ngoài 06cm”, trong khi Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 142/TgT ngày 27/10/2016 lại kết luận “một sẹo ở mặt trong cổ tay trái” Trung tâm pháp y tỉnh Bạc Liêu đã có Công văn số 17/CV-TTPY ngày 25/4/2017 (BL 391) trả lời rõ do ngoài vết

thương mặt trong cổ tay trái thì không còn vết thương nào khác ở vùng này. Tại phiên tòa phúc thẩm các giám định viên tiếp tục khẳng định ý kiến này. Mặt khác, trên thực tế vết thương của anh L nằm ở vị trí tiếp giáp giữa phía trong và ngoài của cổ tay, việc xác định sau khi chụp XQuang “một sẹo ở mặt trong cổ tay trái” là chính xác, vết thương này cũng được kết luận do vật sắt gây ra, phù hợp với chứng cứ thương tích của anh L do bị cáo D dùng kéo đâm trúng. Do đó, đủ căn cứ các vết thương của anh L được giám định và kết luận tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 142/TgT ngày 27/10/2016 là có căn cứ.

[7] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo D thừa nhận đã dùng hung khí nguy hiểm là kéo đâm vào cơ thể của anh L gây thương tích, lời khai nhận tội của bị cáo D phù hợp lời khai của anh L về diễn biến thực hiện tội phạm, vị trí các vết thương, phù hợp lời khai các nhân chứng trực tiếp chứng kiến sự việc xô xát, phù hợp các chứng cứ khác như Giấy chứng nhận thương tích, Kết luận giám định pháp y, Biên bản hiện trường, ...Đủ cơ sở kết luận bị cáo D đã có hành vi cố ý dùng hung khí nguy hiểm là kéo đâm anh L gây thương tích tổn thương cơ thể tỷ lệ tổng cộng 10%, hành vi của bị cáo D đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999. Cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo D về tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[8] Xét kháng cáo của bị cáo T cho rằng kết luận giám định pháp y đối với bị hại Lê Thanh T có mâu thuẫn. Tuy nhiên, tại Giấy chứng nhận thương tích số 1182/YC-BVCR ngày 30/9/2016 của Bệnh viện Chợ Rẫy (BL 226) khi CT Scan sọ não đối với Lê Thanh T đã xác định: “Tụ máu dưới màng cứng trán trái lượng ít”. Trên cơ sở xác định nêu trên của Bệnh viện Chợ Rẫy kết hợp với những yếu tố cần thiết khác theo đúng quy định của nghiệp vụ giám định, Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Bạc Liêu đã kết luận thương tích của Lê Thanh T tại Bản kết luận giám định pháp y số 143/TgT ngày 26/10/2016: Máu tụ dưới màng cứng trán trái lượng ít, tỷ lệ 21%; Một sẹo ở đỉnh đầu trái, một sẹo ở cẳng tay phải, một sẹo ở 1/3 giữa sau cẳng tay trái, tỷ lệ 03%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 23%. Vật gây thương tích do vật sắt. Như vậy, Kết luận giám định số 143/TgT ngày 26/10/2016 (BL 235-236) của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Bạc Liêu được thực hiện đúng quy định, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo T và Luật sư bào chữa cho bị cáo T về việc giám định lại thương tích của Lê Thanh T.

[9] Các kháng cáo của bị cáo T về việc xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, yêu cầu xem xét tiền bồi thường thiệt hại: Hội đồng xét xử xét thấy khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo T gây ra cho anh T, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng và đã có xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo đầy đủ theo quy định của pháp luật và đã áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo với mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, do đó, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; hành vi của bị cáo cần phải chịu

sự trừng trị nghiêm minh của pháp luật mới đảm bảo tính răn đe giáo dục và phòng ngừa chung, do đó, không chấp nhận yêu cầu xin được hưởng án treo của bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo.

[10] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Thành D yêu cầu xem xét lại hành vi vi phạm của Phạm Minh Đ gây thương tích cho bị cáo: Quá trình điều tra, xét xử tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, chưa đủ căn cứ chứng minh Phạm Minh Đ có tham gia xô xát vào ngày 20/9/2016. Lời khai của Phạm Minh Đ (BL 138 – 141) thể hiện Đ không tham gia trực tiếp đánh nhau, khi Đ hay tin đánh nhau chạy ra hiện trường thì sự việc đánh nhau đã kết thúc. Nhiều nhân chứng chứng kiến trực tiếp sự việc đánh nhau như Huỳnh Văn Đào U (BL 124-131); Dương Thị L (BL 132- 133); Phạm Thị T (BL 134- 137) không thấy Đ tham gia xô xát. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo D cho rằng có người thấy Đ lợi xuống nương, nhưng chính bị cáo D cũng thừa nhận những người này cũng chỉ nhìn thấy việc Đ lợi xuống nương mà không biết Đ có đâm bị cáo D hay không. Những người con của bị cáo T như Lê Đức Th (BL 86-87), Lê Tài Đ (BL 91-92) cho rằng Đ có dùng dao đâm D nhưng những người này là con ruột của bị cáo T và anh ruột bị cáo D nên các lời khai này không khách quan, không phù hợp với các chứng cứ khác nên không có căn cứ. Bản thân bị cáo T cùng tham gia trực tiếp đánh nhau nhưng cũng không xác định vết thương của D do ai gây ra vì không quan sát được. Căn cứ lời khai của anh L thừa nhận quá trình câu vật với D đã gây ra thương tích trên vai D, nhưng D chỉ yêu cầu xử lý hình sự đối với Phạm Minh Đ nên cấp sơ thẩm không xem xét xử lý hình sự đối với anh L là phù hợp.

[11] Xét yêu cầu của bị cáo D xem xét lại thương tích của Lê Thanh L: Như đã phân tích trên, thương tích của anh L tuy có 02 giấy chứng nhận thương tích nhưng do yêu cầu của giám định viên và thời gian tạo can xương theo trả lời của các giám định viên là phù hợp thời gian xảy ra xô xát nên đủ căn cứ khẳng định các thương tích và tỷ lệ thương tích đối với anh L là do chính bị cáo D đã gây ra, do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo D.

[12] Xét yêu cầu xem xét lại tiền bồi thường thiệt hại của cả bị cáo T và bị cáo D: Khi xem xét xử lý trách nhiệm bồi thường thiệt hại, cấp sơ thẩm đã kiểm tra các hóa đơn chứng từ điều trị thương tích, đã thu thập chứng cứ về thu nhập của anh T và anh L như lấy lời khai các nhân chứng là những người hiểu biết về thu nhập của 02 người bị hại như Trần Văn L (BL 142- 143); Lê Hoàng T (BL 144- 145); Huỳnh Văn B (BL 146- 147); Nguyễn Văn K (BL 148- 149); Huỳnh Văn D (BL 150- 151); Trần Văn C (BL 152-153); Huỳnh Bình Y (BL 154-155); Trịnh Quốc N (BL 156-157); Nguyễn Văn Đ (BL 158- 159), có đối chiếu thu nhập thực tế tại địa phương và đã chấp nhận số tiền bồi thường phù hợp, có xem xét bồi thường thiệt hại tổn thất tinh thần đúng quy định. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo T và bị cáo D về việc xem xét lại tiền bồi thường thiệt hại.

[13] Xét kháng cáo của các bị hại Lê Thanh T và Lê Thanh L về việc yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo Lê Huệ T, Lê Thành D, yêu cầu xem xét lại mức bồi thường thiệt hại của 02 bị cáo đối với 02 bị hại: Như đã phân tích trên, khi xem xét xử lý hành vi phạm tội của hai bị cáo, cũng như trách nhiệm bồi thường thiệt hại, cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện các chứng cứ, đánh giá đầy đủ các quy định của pháp luật phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có mức hình phạt tương xứng với mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra; cấp sơ thẩm cũng đã kiểm tra, đối chiếu các hóa đơn chứng từ điều trị thương tích, các chứng cứ về thu nhập bị thiệt hại và đã chấp nhận số tiền bồi thường phù hợp, đúng quy định. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị hại Lê Thanh T và Lê Thanh L và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T.

[14] Xét ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo T và D đề nghị cho bị cáo T được hưởng án treo; đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra xét xử lại do có nhiều vi phạm trong đó có sự mâu thuẫn của các kết luận giám định. Hội đồng xét xử xét thấy đủ căn cứ chứng minh thương tích của các bị hại do chính các bị cáo T và D gây ra, các vết thương đã được giám định đúng quy định pháp luật, tại phiên tòa phúc thẩm các giám định viên đã lý giải rất rõ ràng về các thương tích nên không có căn cứ chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo T và bị cáo D.

[15] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị giữ y án sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được ghi nhận.

[16] Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm về xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[17] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Huệ T, bị cáo Lê Thành D, bị hại Lê Thanh T và bị hại Lê Thanh L. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2017/HS-ST ngày 22/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Huệ T và bị cáo Lê Thành D phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33, 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Lê Huệ T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Lê Thành D 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 22/11/2017.

Giao bị cáo Lê Thành D cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu có trách nhiệm quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 609 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 42 Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo Lê Huệ T tiếp tục bồi thường cho anh Lê Thanh T các khoản chi phí điều trị thương tích, ngày công lao động, tiền xe đi lại, tổn thất tinh thần với số tiền 44.798.444 đồng.

Buộc bị cáo Lê Thành D tiếp tục bồi thường cho anh Lê Thanh L các khoản chi phí điều trị thương tích, ngày công lao động, tiền xe đi lại, tổn thất tinh thần với số tiền 12.794.780 đồng.

Anh Lê Thanh T được nhận số tiền 3.000.000 đồng do bị cáo Lê Huệ T bồi thường tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Đ theo biên lai thu số 004026 ngày 10/7/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Anh Lê Thanh L được nhận số tiền 1.000.000 đồng do bị cáo Lê Thành D bồi thường tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Đ theo biên lai thu số 004027 ngày 10/7/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Kể từ ngày bản án, có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2017/HSST ngày 22/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, điểm e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí của Tòa án: Buộc các bị cáo Lê Huệ T, Lê Thành D mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và các bị hại Lê Thanh T, Lê Thanh L mỗi người nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- TAND huyện Đ (02 bản);
- CQĐT huyện Đ (01 bản);
- Chi cục THA huyện Đ (01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (1 bản);
- Bị cáo (mỗi người 01 bản);
- Bị hại (mỗi người 01 bản);
- Lưu: HS, THS, THCTP.

(Đã ký tên và đóng dấu)

Châu Minh Nguyệt